|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: /BC-BCT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BÁO CÁO**

**Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan tới Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương kính báo cáo Chính phủ về việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan tới dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả như sau:

**1. Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng**

**1.1 Nghị quyết 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị**

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (Luật SDNL TK&HQ - Luật số 50/2010/QH12) được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Việc ban hành Luật đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng pháp luật về SDNL TK&HQ ở nước ta. Luật đã cơ bản thể chế hóa chủ trương, đường lối quan điểm nhất quán của Đảng, và Nhà nước, xác định SDNL TK&HQ là chính sách được ưu tiên hàng đầu, giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế gắn với an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Theo Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đưa ra một số mục tiêu và quan điểm, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã thể chế hóa các mục tiêu, quan điểm của Nghị quyết số 55-NQ/TW cụ thể như sau:

- Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường phải được xem là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội: Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phải được đưa vào là chỉ tiêu bắt buộc trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội toàn quốc và của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại bổ sung **khoản 6 Điều 5** Luật hiện hành; Bổ sung trách nhiệm của các đơn vị truyền tải, phân phối điện trong việc kiểm tra, giám sát vận hành hệ thống lưới điện, các đơn vị khai thác than, dầu khí trong việc kiểm soát tổn thất tại sửa đổi **khoản 3 Điều 13;** ngoài ra, trách nhiệm của các bộ, ngành,địa phương, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, người dân cũng đã được bổ sung, tăng cường tại sửa đổi các **Điều 30, 32, 33, 35, 37, 43, 46** Luật hiện hành.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đồng bộ, chế tài đủ mạnh và khả thi để khuyến khích đầu tư và sử dụng các công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, góp phần thúc đẩy năng suất lao động và đổi mới mô hình tăng trưởng. Xây dựng các công cụ hỗ trợ tài chính về thuế, đất đai, lãi vay, cơ chế bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp có các dự án về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Xây dựng cơ sở pháp lý để có thể hình thành và vận hành hiệu quả các quỹ về phát triển năng lượng bền vững, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hoá, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh: Quy định về thành lập Quỹ tài chính quốc gia thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các công cụ hỗ trợ tài chính được quy định tại bổ sung **khoản 2, khoản 4 và khoản 5 và sửa đổi Điều 41** Luật hiện hành.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, các công cụ có tính thị trường để đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Hoàn thiện khung pháp lý, khuyến khích đẩy mạnh triển khai mô hình công ty tư vấn dịch vụ năng lượng: Khuyến khích phát triển dịch vụ tư vấn năng lượng tại sửa đổi **khoản 5, Điều 5** Luật hiện hành; Bổ sung việc xây dựng cơ chế hỗ trợ và khuyến khích để hình thành hệ thống các công ty dịch vụ tư vấn năng lượng được quy định tại **khoản 5 Điều 43** của Luật hiện hành.

- Tăng cường kiểm toán năng lượng; Xây dựng, kiện toàn mạng lưới công ty tư vấn dịch vụ năng lượng như kiểm toán năng lượng, quản lý năng lượng: Khuyến khích đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức… cho các tổ chức, cá nhân tư vấn hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, lực lượng kiểm toán viên năng lượng và cán bộ quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng tại sửa đổi **khoản 5, Điều 5** Luật hiện hành; Sửa đổi việc quy định cụ thể về cơ sở thực hiện kiểm toán năng lượng; trình tự, thủ tục thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi, thời hạn của chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng tại **khoản 4 Điều 34** Luật hiện hành; Bổ sung quy định điều kiện kinh doanh ngành nghề kiểm toán năng lượng để đảm bảo chất lượng dịch vụ tại **khoản 4, khoản 6 Điều 43** Luật hiện hành.

- Việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã tục quán triệt, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước giải quyết được các vấn đề của thực tiễn trong nước đặt ra, phù hợp với luật pháp, thông lệ quốc tế, đồng thời tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong quản lý nhà nước, loại bỏ vướng mắc, rào cản, tạo hành lang pháp lý thuận lợi, tăng cường các cơ chế khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

*(Chi tiết bảng rà soát trong Phụ lục kèm theo Báo cáo này)*

**1.2 Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Quy định 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị**

Các nội dung trong Dự thảo Luật đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về *“… tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước”* (Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII); *“Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước”* (Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới).

Các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung dựa trên các quy định đã có trong Luật hiện hành, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: *“ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng... pháp luật”* - Mục 3); (iii) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

**2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước Quốc tế có liên quan**

**2.1 Rà soát văn bản quy phạm pháp luật**

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 50/2010/QH12 đã tạo dựng hành lang pháp lý, tháo gỡ rào cản, cụ thể hóa các quy định về biện pháp quản lý, kỹ thuật và chính sách thúc đẩy SDNL TK&HQ trong toàn bộ hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng dân dụng, chiếu sáng và sinh hoạt của cộng đồng, tạo điều kiện triển khai đồng bộ hoạt động sử dụng năng lượng TK&HQ bền vững của đất nước. Sau khi Luật ban hành năm 2010, đã có trên 20 văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành ở cấp Trung ương, bao gồm 02 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết biện pháp thi hành và chế tài xử phạt, 02 Quyết định của Thủ tướng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm soát hiệu suất năng lượng cho các trang thiết bị tiêu thụ năng lượng và 16 thông tư quy định suất mức tiêu hao năng lượng và các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trong các ngành công nghiệp (hóa chất, nhựa, đồ uống…), xây dựng, giao thông vận tải, nông nghiệp và các văn bản hướng dẫn tác nghiệp cho việc thực thi các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Bên cạnh đó, các quy định của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có liên quan tới một số Luật hiện hành, trong đó bao gồm: Luật Thống kê (liên quan tới Điều 7 Thống kê về sử dụng năng lượng); Luật Quy hoạch (liên quan tới Điều 6 Chiến lược, quy hoạch, chương trình sử dụng năng lượng và Điều 25 có nội dung về xây dựng quy hoạch vùng trồng cây nguyên liệu cho sản xuất nhiên liệu sinh học); Luật Đầu tư (liên quan tới sửa đổi khoản 4, Điều 43 về điều kiện ngành nghề kinh doanh kiểm toán năng lượng); Luật Bảo vệ môi trường (liên quan tới sửa đổi đoạn 2 Điều 32 về việc Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hai năm một lần). Các nội dung trên được tiến hành rà soát đảm bảo việc tương thích, phù hợp và không có quy định trái với các Luật hiện hành.

**2.2 Về sự tương thích các điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên**

Bộ Công Thương đã tiến hành rà soát các điều ước, cam kết quốc tế về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và nhận thấy các nội dung trong Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả không trái với các cam kết hay điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Nội dung này đã được Bộ Công Thương đánh giá tác động tại Báo cáo đánh giá tác động dự án Luật, cụ thể như sau:

a. Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC)

“Điều 4: Những cam kết

1c) Đẩy mạnh và hợp tác trong việc phát triển áp dụng và truyền bá, bao gồm chuyển giao công nghệ, thực hành và các quá trình kiểm tra, giảm bớt và ngăn ngừa sự phát thải do con người gây ra về các khí nhà kính không kiểm soát bởi Nghị định thư Montreal trong mọi lĩnh vực thích hợp, bao gồm năng lượng, vận tải, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và lĩnh vực quản lý chất thải.”

Đánh giá tương thích: Việt Nam đã tham gia UNFCCC, trong đó bao gồm các cam kết về giảm phát thải khí nhà kính và sử dụng năng lượng hiệu quả. Các quy định và hướng dẫn từ UNFCCC giúp thúc đẩy việc quản lý năng lượng tại các cơ sở sản xuất và kinh doanh.

Tại các hội nghị thượng đỉnh của các bên tham gia Công ước khung, gần đây nhất là COP 26 và COP27, Việt Nam đã cam kết giảm phát thải net Zero vào năm 2050. Hiệp ước Glasgow đã khuyến khích các quốc gia xem xét lại và tăng cường các NDC của họ, trong đó bao gồm các biện pháp liên quan đến năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Mục đích ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là chủ động, tích cực thực hiện các cam kết khi tham gia công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu.

b. Hiệp định Paris về Biến đổi Khí hậu (Paris Agreement)

“Điều 3: Là đóng góp do quốc gia tự quyết định cho ứng phó toàn cầu với biến đổi khí hậu, tất cả các Bên sẽ thực hiện và thông báo các nỗ lực tham vọng như nêu tại Điều 4, 7, 9, 10, 11 và 13 nhằm đạt mục tiêu của thỏa thuận…”

Đánh giá tương thích: Ký kết vào năm 2015, hiệp định này yêu cầu các nước tham gia phải xây dựng và thực hiện các kế hoạch quốc gia về đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), trong đó có các biện pháp quản lý năng lượng và giảm phát thải tại các cơ sở sử dụng năng lượng lớn. Tại COP21, Việt Nam cũng đã cam kết giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo và hiệu quả.

Điều này cũng tương thích với quan điểm khuyến khích phát triển những ngành nghề tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, tạo ra giá trị cao, cũng như cần có chính sách kiểm soát đối với những ngành có cường độ sử dụng năng lượng cao.

c. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định EVFTA

- Hiệp định CPTPP:

“Chương 20: Môi trường

Điều 20.15: Chuyển sang một nền kinh tế phát thải thấp và mau phục hồi

…. Các Bên thừa nhận rằng hành động của mỗi Bên để chuyển sang một nền kinh tế ít phát thải nên phản ánh hoàn cảnh và khả năng của nước mình và phải phù hợp với quy định tại Điều 20.12 (Khung hợp tác), các Bên cần hợp tác để giải quyết các vấn đề chung hoặc các vấn đề phổ biến. Các lĩnh vực hợp tác có thể bao gồm: hiệu quả năng lượng; sự phát triển của công nghệ chi phí thấp và ít phát thải, các nguồn năng lượng sạch sẽ và có thể tái tạo; giao thông vận tải bền vững và sự phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị; giải quyết việc phá rừng và suy thoái rừng; giám sát chất thải; cơ chế thị trường và phi thị trường; sự phát triển ít phát thải và mau phục hồi và chia sẻ thông tin và kinh nghiệm trong việc giải quyết vấn đề này. Hơn nữa, nếu thích hợp, các Bên sẽ tham gia vào các hoạt động hợp tác và xây dựng năng lực liên quan đến việc chuyển đổi sang nền kinh tế ít phát thải.”

- Hiệp định EVFTA:

“Chương 13 – Thương mại và phát triển bền vững

Điều 13.10 – Thương mại và đầu tư hướng đến phát triển bền vững, Khoản 2 (c): các bên sẽ nỗ lực thuận lợi hóa thương mại và đầu tư đối với hàng hóa và dịch vụ cụ thể liên quan để giảm thiểu biến đổi khí hậu, như năng lượng tái tạo bền vững và hàng hóa và dịch vụ tiết kiệm năng lượng, bao gồm thông qua sự phát triển các khung chính sách có lợi cho việc triển khai các công nghệ tốt nhất hiện có;

Điều 13.6 – Biến đổi khí hậu, Khoản 2 (c): tăng cường tiết kiệm năng lượng, công nghệ khí thải thấp và năng lượng tái tạo.”

- Đánh giá tương thích: Hiệp định CPTPP và EVFTA là Hiệp định có mức độ cam kết sâu, rộng, liên quan tới nhiều vấn đề bên cạnh các lợi ích về kinh tế; trong đó khẳng định sự cam kết và đồng thuận của các bên trong việc bảo đảm thực thi các cam kết về môi trường và bảo đảm phát triển bền vững.

+ Các nội dung chính về bảo vệ môi trường tại chương 20 Hiệp định CPTPP có thể tóm tắt thành 4 nội dung cơ bản trong đó có nội dung Gồm các điều khoản trực tiếp về các vấn đề môi trường: (1) Hàng hóa và dịch vụ môi trường; (2) Các hiệp định môi trường đa phương; (3) Bảo vệ tầng ô zôn; (4) Bảo vệ môi trường biển từ ô nhiễm do vận tải biển; (5) Thương mại và đa dạng sinh học; (6) Thương mại và bảo tồn (động thực vật hoang dã); (7) Các loài ngoại lai xâm lấn; (8) Chuyển đổi sang nền kinh tế các bon thấp và tự cường; (9) Ngành Thủy sản đánh bắt cá trên biển; (10) Các cơ chế tự nguyện để thúc đẩy thực thi môi trường; (11) Hợp tác trách nhiệm xã hội.

+ Hiệp định EVFTA gồm 17 Chương quy định các thỏa thuận giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU); trong đó Hiệp định đã dành riêng Chương 13 quy định về Thương mại và Phát triển bền vững (từ Điều 13.1 đến Điều 13.17).

Điều này tương thích với các giải pháp lựa chọn sửa đổi, bổ sung Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nhằm thúc đẩy đầu tư vào hàng hóa và dịch vụ tiết kiệm năng lượng, tăng cường tiết kiệm năng lượng nhằm đáp ứng mục tiêu của đất nước và cam kết với quốc tế.

d. WTO có tên đầy đủ là Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organization). Tổ chức này được thành lập và hoạt động từ 01/01/1995 với mục tiêu thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch

“Các quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO và các Hiệp định Thương mại có bao gồm các điều khoản về rào cản kỹ thuật đối với thương mại.

Hiệp định về các rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT agreement)

Chương 8/ Điều 8.7 – Minh bạch hóa”

Đánh giá tương thích: WTO là một tập hợp rất nhiều quy định, được sắp xếp theo hệ thống nhất định, được thông qua với cơ chế đồng thuận, không áp đặt và không phải là một thiết chế đứng trên các quốc gia thành viên. WTO có ba nhóm Hiệp định bao gồm: (1) nhóm Hiệp định chung – đa biên; (2) nhóm Hiệp định song phương; (3) nhóm Hiệp định đa phương. Trong đó, trong nhóm Hiệp định chung có Hiệp định về các rào cản kỹ thuật đối với thương mại (Agreement on Technical Barriers to Trade – TBT). Hiệp định này bao gồm 15 điều và 4 phụ lục với mục tiêu đảm bảo rằng các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật, bao gồm các yêu cầu về bao bì, đánh dấu và dán nhãn, và các thủ tục đánh giá sự phù hợp với các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật không tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại quốc tế.

“Rào cản kỹ thuật đối với thương mại” thực chất là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu và/hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp của hàng hoá nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó (gọi chung là các biện pháp kỹ thuật - biện pháp TBT).

Trong một số các Hiệp định thương mại được Việt Nam ký kết trong thời gian gần đây như AHKFTA, EVFTA, UKVFTA, RCEP, VIFTA đều có các điều khoản liên quan đến các rào cản kỹ thuật đối với thương mại.

Các chính sách bổ sung, sửa đổi Luật SDNL TK&HQ cũng nhằm mục tiêu hình thành thị trường dịch vụ tiết kiệm năng lượng minh bạch, tương thích với cam kết của Việt Nam trong WTO.

Trên đây là báo cáo về việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan tới dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Bộ Công Thương xin kính báo cáo Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Lãnh đạo Bộ Công Thương;  - Vụ PC;  - Lưu: VT, TKNL. | **BỘ TRƯỞNG**    **Nguyễn Hồng Diên** |

**PHỤ LỤC**Bảng rà soát chi tiết việc sửa đổi, bổ sung các Điều, Khoản trong Dự thảo Luật đối với các chủ trương, đường lối của Đảng

| **TT** | **Điều** | **Khoản** | **Điểm** | **Hình thức sửa đổi, bổ sung** | **Nội dung sửa** | **Chính sách** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Điều 5 | Khoản 3 |  | - Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau: | 3. Tăng đầu tư, áp dụng đa dạng hình thức huy động các nguồn lực để đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với tiềm năng, điều kiện của Việt Nam góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường. Khuyến khích phát triển những ngành nghề tiêu thụ ít năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, tạo ra giá trị gia tăng cao. Tăng cường chính sách kiểm soát đối với những ngành, lĩnh vực có cường độ sử dụng năng lượng cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên thiên nhiên. | [NQ55 II.1 Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường là quốc sách quan trọng, Tăng cường kiểm toán năng lượng; xây dựng cơ chế, chính sách đồng bộ, chế tài đủ mạnh khả thi để khuyến khích đầu tư và sử dụng công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường ... [NQ140] - Rà soát, cập nhật và xây dựng định mức hao hụt các nguồn năng lượng như xăng dầu, khí, than trong sản xuất, khai thác, vận chuyển, phân phối. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý cường độ tiêu thụ điện năng. - Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng năng lượng trong các ngành, lĩnh vực có mức tiêu thụ năng lượng cao như ngành (thép, hóa chất, xi măng, dệt may, da giày, chế biến thực phẩm). |
| 2 | Điều 5 | Khoản 5 |  | Sửa đổi bổ sung Khoản 5 Điều 5 như sau: | 5. Khuyến khích phát triển dịch vụ tư vấn năng lượng; đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền, giáo dục, hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Khuyến khích đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức… cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, lực lượng kiểm toán viên năng lượng và cán bộ quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng. Khuyến khích cơ sở sử dụng năng lượng ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước. | [NQ55 "Xây dựng và hoàn thiện chính sách, cơ sở pháp lý để có thể hình thành và và vận hành hiệu quả các quỹ phát triển năng lượng bền vững, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Xây dựng các công cụ hỗ trợ tài chính về thuế, đất đai, lãi vay, cơ chế bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp có các dự án về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả,"]  "III.6 Hoàn thiện cơ chế, chính sách, các công cụ có tính thị trường để đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. ] |
| 3 | Điều 5 | Khoản 6 |  | - Bổ sung khoản 6 *Điều 5 Chính sách nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả* như sau: | “6. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả phải được đưa vào là chỉ tiêu bắt buộc trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội toàn quốc và của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.” | [NQ55 II.1 Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội. Tăng cường kiểm toán năng lượng; xây dựng cơ chế, chính sách đồng bộ, chế tài đủ mạnh khả thi để khuyến khích đầu tư và sử dụng công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường ... |
| 4 | Điều 6 | Khoản 3 |  | Bổ sung khoản 3, *Điều 6 Chiến lược, quy hoạch, chương trình sử dụng năng lượng* như sau: | “3. Nguồn lực cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả  a) Nguồn lực để thực hiện hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm:  Ngân sách nhà nước chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.  Nguồn vốn xã hội hóa cho sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.  b) Ngân sách nhà nước có nội dung chi cho hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và được bố trí phù hợp với khả năng ngân sách và yêu cầu, nhiệm vụ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.  c) Ngân sách nhà nước chi cho việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm các hoạt động: Thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước như xây dựng cơ chế, chính sách, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xây dựng cơ sở dữ liệu; Hỗ trợ kĩ thuật về kiểm toán năng lượng, xây dựng hệ thống quản lý năng lượng, cải tiến công nghệ, thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng; Đào tạo, truyền thông; Thành lập Quỹ.” |  |
| 5 | Điều 7 |  |  | Sửa đổi *Điều 7 Thống kê về sử dụng năng lượng* như sau: | “Chính phủ ban hành các chỉ tiêu thống kê về sử dụng năng lượng trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo quy định của Luật này và pháp luật về thống kê” |  |
| 6 | Điều 13 | Khoản 1 | Điểm đ Điểm e | *Điều 13. Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong cơ sở sản xuất, cung cấp năng lượng* Bổ sung điểm đ, điểm e vào khoản 1 | “đ) Đơn vị truyền tải, phân phối điện phải xây dựng chương trình, kế hoạch, định mức và lộ trình cụ thể nhằm giảm tổn thất điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối, ưu tiên kiểm tra, giám sát chế độ non tải, quá tải của hệ thống lưới điện; e) Đơn vị khai thác than, dầu khí phải có phương án tận thu khí đồng hành và tài nguyên năng lượng khác [Điểm g cũ]. Định kỳ tổ chức rà soát và cập nhật xây dựng định mức hao hụt xăng, dầu, than. Tăng cường kiểm soát tổn thất, hao hụt xăng dầu, than trong các khâu khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, phân phối trong hệ thống cung ứng của doanh nghiệp [cụ thể hóa “giảm thât thoát” của điểm e có thể đưa vào nghị định]. | [NQ140] - Rà soát, cập nhật và xây dựng định mức hao hụt các nguồn năng lượng như xăng dầu, khí, than trong sản xuất, khai thác, vận chuyển, phân phối. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý cường độ tiêu thụ điện năng. [NQ55 Triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, ngành và sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao."  "quản lý chặt chễ cường độ tiêu thụ điện năng ; giảm thiểu tối đa tổn thất điện năng "] |
| 7 | Điều 13 | Khoản 3 |  | bổ sung mới | [bổ sung mới] 3. Chính phủ giao Bộ quản lý chuyên ngành chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng và ban hành quy định về định mức sử dụng năng lượng tự dùng trong các cơ sở sản xuất và cung cấp năng lượng.” | NQ55: Triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, ngành và sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao. |
| 8 | Điều 16 | Khoản 4 |  | bổ sung Khoản 4 *Điều 16. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng* | Bổ sung khoản 4 Điều 16 như sau: “Chính phủ giao Bộ quản lý chuyên ngành quy định việc dán nhãn cho vật liệu xây dựng và phương tiện vận tải.” |  |
| 9 | Điều 30 | Khoản 4 |  | *Điều 30 Biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong đơn vị sử dụng ngân sách* bổ sung mới Khoản 4 Điều 30 như sau | “4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, giao nhiệm vụ cho đơn vị đầu mối triển khai thực hiện và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, và xử lý vi phạm đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.” |  |
| 10 | Điều 32 | Khoản 2 |  | Sửa đổi Khoản 2 Điều 32. Cơ sở sự dụng năng lượng trọng điểm | "Bộ Công Thương Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh trình Thủ tướng chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hai năm một lần." | Phù hợp với chu kỳ báo cáo kiểm kê khí nhà kính (02 năm/lần)/Giảm tải cho cơ quan quản lý nhà nước. |
| 11 | Điều 33 | Khoản 1 | Điểm đ | Sửa đổi bổ sung Điều 33 Khoản 1 Điểm đ | “đ) Áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tổ chức duy trì hệ thống đo đếm, đảm bảo tính chính xác của hệ thống đo đếm nhằm theo dõi, giám sát tình trạng sử dụng năng lượng để thống kê tình hình tiêu thụ, sử dụng các dạng năng lượng khác nhau;” | Nghị Quyết 140/NQ-CP ngày 17/12/2024 "tăng cường kiểm soát phát thải các bon của doanh nghiệp phát thải lớn"  Nghị quyết số 240/NQ-CP của Chính phủ khuyến khích chuyển đổi số |
| 12 | Điều 33 | Khoản 2 |  | Sửa đổi bổ sung Điều 33 Khoản 2 | “2. Chính phủ giao Bộ quản lý ngành [nội dung gốc "Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh] hướng dẫn cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hằng năm và năm năm, quy định mẫu báo cáo định kỳ hằng năm và năm năm, áp dụng mô hình quản lý năng lượng phù hợp. | [NQ55 rà soát hoàn thiện mô hình quản lý nhà nước trong lĩnh vực SDNLTKHQ -Tăng cường vai trò địa phương] |
| 13 | Điều 34 | Khoản 4 |  | - Sửa đổi, bổ sung khoản 4 *Điều 34 Kiểm toán năng lượng đối với cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm* như sau: | “4. Bộ Công Thương [sửa "Chính phủ"] quy định cụ thể về cơ sở thực hiện kiểm toán năng lượng; trình tự, thủ tục thực hiện kiểm toán năng lượng; nội dung, chương trình đào tạo, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi, thời hạn của chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng và cơ sở đào tạo.” | [NQ55 Tăng cường đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu sử dụng trong nước, hướng tới xuất khẩu.] |
| 14 | Điều 35 | Khoản 2 |  | Sửa đổi bổ sung Khoản 2, *Điều 35 Điều kiện, nhiệm vụ của người quản lý năng lượng tại cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm* như sau: | “d) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; theo dõi, giám sát nhu cầu, định mức sử dụng năng lượng;” | [NQ55 "Xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực tổng thể và các chương trình đào tạo cho những khâu then chốt của ngành năng lượng. Tăng cường đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu sử dụng trong nước, hướng tới xuất khẩu. Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực đã được đào tạo .. đi đôi với đào tạo nâng cao. ] NQ240/NQ-CP "..bổ sung nội dung chính sách về chuyển đổi xanh, giảm phát thải để việc tiết kiệm năng lượng đi đôi với khuyến khích phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn" |
| 15 | Điều 35 | Khoản 3 |  | Sửa đổi bổ sung Khoản 3, Điều 35 như sau: | “3. Bộ Công thương [sửa "Chính phủ"] quy định nội dung, chương trình đào tạo, đào tạo nâng cao, thẩm quyền cấp, công nhận, thu hồi, thời hạn, chứng chỉ quản lý năng lượng.” | [NQ55 "Xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực tổng thể và các chương trình đào tạo cho những khâu then chốt của ngành năng lượng. Tăng cường đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu sử dụng trong nước, hướng tới xuất khẩu. Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực đã được đào tạo về năng lượng hạt nhân đi đôi với đào tạo nâng cao. ] |
| 16 | Điều 37 | Khoản 2 |  | - Sửa đổi bổ sung khoản 2 *Điều 37 Biện pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với phương tiện, thiết bị* như sau: | “2. Dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng và [BXD: vật liệu xây dựng] vật liệu xây dựng.” | NQ55 Rà soát, hoàn thiện mô hình quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng. Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát triển năng lượng. Triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, ngành và sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao. Thúc đẩy phát triển các phương tiện giao thông sử dụng điện năng phù hợp với xu thế chung trên thế giới. |
| 17 | Điều 37 | Khoản 3 |  |  | 3. Cơ sở, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, phân phối phải công bố nhãn năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu do mình kinh doanh (kể cả kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử) |  |
| 18 | Điều 39 | Khoản 1 |  | Sửa đổi Khoản 1 *Điều 39. Dán nhãn năng lượng* như sau | Phương tiện, thiết bị, vật liệu thuộc danh mục phương tiện, thiết bị, vật liệu phải dán nhãn năng lượng phải được dán nhãn trước khi đưa ra thị trường |  |
| 19 | Điều 39 | Khoản 3 |  | Sửa đổi Khoản 3 Điều 39 như sau | “3. Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu phương tiện, thiết bị và vật liệu thực hiện công bố, dán nhãn năng lượng đối với phương tiện, thiết bị sau khi phương tiện, thiết bị và vật liệu đã được thử nghiệm và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng quốc gia tại phòng thử nghiệm. |  |
| 20 | Điều 39 | Khoản 5 |  | Bổ sung khoản 5 Điều 39 như sau: | “5 Chính phủ giao Bộ quản lý chuyên ngành tổ chức triển khai hoạt động dán nhãn năng lượng đối với vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải.” | NQ55 Rà soát, hoàn thiện mô hình quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng. Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát triển năng lượng[ trách nhiệm cụ thể của các ngành] |
| 21 | Điều 39 | Bổ sung Khoản 6 |  | Bổ sung khoản 6 Điều 39 như sau: | "6. UBND các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch hàng năm tổ chức triển khai kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định quản lý phương tiện, thiết bị sử năng lượng trong sản xuất, kinh doanh , phân phối trên địa bàn. | NQ55 Tăng cường kiểm tra, giám sát |
| 22 | Điều 41 |  |  | Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau: | Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau: “Điều 41. Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả  2. Quỹ tài chính quốc gia thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả  a) Chính phủ thành lập Quỹ tài chính quốc gia thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để cho vay ưu đãi, bảo lãnh, nhận ký quỹ, tài trợ, hỗ trợ tài chính đầu tư cho hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. b) Chính phủ quy định nguồn vốn, điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ tài chính quốc gia thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; c) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam. 3. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm, vật liệu tiết kiệm năng lượng; đầu tư nâng cấp, cải tạo dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, dự án đầu tư vào các cơ sở tiết kiệm năng lượng, sản xuất, lắp đặt máy móc, thiết bị hoặc vật liệu tiết kiệm năng lượng, các dự án nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng hoặc giảm phát thải khí nhà kính [dự án chuyển đổi số] thông qua chuyển đổi nhiên liệu, được ưu đãi, hỗ trợ như sau  a) Ưu đãi về thuế …….; b) …………; c) Được vay vốn ưu đãi và hỗ trợ từ các quỹ: Quỹ tài chính quốc gia thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Ngân hàng Phát triển; Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và được hỗ trợ từ Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao; Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; d) Các ưu đãi khác theo quy định của Luật này và các pháp luật có liên quan. “ [giữ nguyên 3. dự thảo cũ] 6. Phương tiện, thiết bị, phụ tùng, vật tư phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ tiết kiệm năng lượng, các loại phương tiện giao thông tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng khí hóa lỏng, khí thiên nhiên, điện, nhiên liệu hỗn hợp, sinh học mà trong nước chưa sản xuất được và thuộc danh mục do Chính phủ quy định được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế.” | [NQ55 "- Chú trọng nghiên cứu, ứng dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong phát triển tất cả các phân ngành, lĩnh vực năng lượng; đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành năng lượng; "  "Xây dựng và hoàn thiện chính sách , cơ sở pháp lý để có thể hình thành và và vận hành hiệu quả các quỹ phát triển năng lượng bền vững, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.  Xây dựng các công cụ hỗ trợ tài chính về thuế, đất đai, lãi vay, cơ chế bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp có các dự án về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả,"  " III.6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, các công cụ có tính thị trường để đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. ]  Nghị quyết 240/NQ-CP ngày 17/12/2024 Bổ sung nội dung chuyển đổi số, quản lý bằng chuyển đổi số để tăng hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; nội dung về khuyến khích chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn: |
| 23 | Điều 43 | Khoản 4 |  | Bổ sung khoản 4 *Điều 43* | “4. Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh ngành nghề kiểm toán năng lượng để đảm bảo chất lượng dịch vụ.” | [NQ55 Hoàn thiện khung pháp lý, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai mô hình các công ty dịch vụ năng lượng. ] |
| 24 | Điều 43 | Khoản 5 |  | Bổ sung khoản 5 Điều 43 | “5. Chính phủ xây dựng các cơ chế hỗ trợ và khuyến khích để hình thành hệ thống các công ty dịch vụ tư vấn năng lượng.” | [NQ55 Hoàn thiện khung pháp lý, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai mô hình các công ty dịch vụ năng lượng. ]  Nghị quyết 240/NQ-CP của Chính phủ: Nội dung về phát triển các dịch vụ tư vấn một cách phù hợp, bảo đảm công khai, minh bạch, phát huy được thế mạnh của hoạt động tư vấn |
| 25 | Điều 43 | Khoản 6 |  | Bổ sung khoản 6 Điều 43 | “6. Chính phủ quy định về công tác kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng.” | NQ 55 Tăng cường quản lý nhà nước |
| 26 | Điều 46 | Khoản 1 |  | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 46 như sau: | *Điều 46 Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả*  “1. Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gửi Bộ Công Thương để tổng hợp.” | NQ 55 Tăng cường quản lý nhà nước |
| 27 | Điều 46 | Khoản 3 |  | Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 46 như sau: | 3. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ hàng năm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương theo quy định của pháp luật. | NQ 55 Tăng cường quản lý nhà nước |
| 28 | Điều 46 | Khoản 4 |  | bổ sung mới Khoản 4 Điều 46 như sau | “4. Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hàng năm và trong từng giai đoạn 5 năm gửi Bộ Công Thương tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.” | NQ55 Rà soát, hoàn thiện mô hình quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng. Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát triển năng -[Tăng cường trách nhiệm của địa phương] |